

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI XÂY DỰNG BIỂN ĐÔNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI XÂY DỰNG BIỂN ĐÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109357625

**3. Ngày thành lập:** 28/09/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Cụm 11, Xã Vồng Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02433.922999

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                            | 4322(Chính) |
| 2.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chỉ gồm có: Cho thuê máy móc, thiết bị ( Không bao gồm: máy bay, kinh khí cầu, máy móc, thiết bị nhà nước cấm kinh doanh hoặc hạn chế kinh doanh )                                             | 7730        |
| 3.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>(trừ đầu giá ô tô và xe có động cơ khác.)                                                                                                                                                                                         | 4512        |
| 4.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                | 4101        |
| 5.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                          | 4102        |
| 6.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                    | 4211        |
| 7.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                     | 4212        |
| 8.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                         | 4221        |
| 9.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                              | 4222        |
| 10. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                               | 4223        |
| 11. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chỉ gồm có: - Xây dựng công trình công nghiệp; - Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê; - Xây dựng đường hầm; - Xây dựng các công trình thể thao ngoài trời; | 4229        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                       | 4299        |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4311        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng<br>( Không bao gồm nổ mìn và các hoạt động tương tự trong xây dựng)                                                                                                                                                                                            | 4312        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4321 |
| 16. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                             | 4329 |
| 17. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                             | 4330 |
| 18. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                         | 2394 |
| 19. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                              | 2829 |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                           | 4932 |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                             | 4933 |
| 22. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                         | 2640 |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                 | 4659 |
| 24. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>( Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh ngành nghề này theo đúng qui định của pháp luật)                                                                                                                                                                           | 5510 |
| 25. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và không bao gồm kinh doanh: quầy bar và chỉ kinh doanh theo qui định của pháp luật;                                                                                                  | 5610 |
| 26. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>( Không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                            | 8230 |
| 27. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                         | 4652 |
| 28. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ bán buôn xe có động cơ đã qua sử dụng qua đấu giá)                                                                                                                                                                                             | 4511 |
| 29. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ đấu giá ô tô và xe có động cơ khác.)                                                                                                                                                                                                             | 4513 |
| 30. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                    | 4530 |
| 31. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                    | 4663 |
| 32. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3312 |
| 33. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3314 |
| 34. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3319 |
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh( Trừ loại Nhà nước cấm) ( Đối với ngành nghề có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sản xuất, kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 8299 |
| 36. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                             | 2511 |
| 37. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                           | 2591 |
| 38. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                                 | 2512 |

6. **Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI QUỐC KHÁNH | Cụm 4, Xã Võng Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông         | 9.000      | 90.000.000            | 1,000     | 001096020922                                                                                |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số                   | 9.000      | 90.000.000            | 1,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | BÙI MINH TÂN   | Cụm 4, Xã Võng Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông         | 594.000    | 5.940.000.000         | 66,000    | 001075003386                                                                                |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số                   | 594.000    | 5.940.000.000         | 66,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                      |                           |         |               |        |              |
|---|------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ HUYỀN | Thôn 13, Xã Sen Phương, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông         | 27.000  | 270.000.000   | 3,000  | 001184014587 |
|   |                  |                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                      | Tổng số                   | 27.000  | 270.000.000   | 3,000  |              |
| 4 | NGUYỄN HỮU NGỌC  | Cụm 7, Thị Trấn Phúc Thọ, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 180.000 | 1.800.000.000 | 20,000 | 111916577    |
|   |                  |                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                      | Tổng số                   | 180.000 | 1.800.000.000 | 20,000 |              |
| 5 | ĐỖ THANH THỦY    | Thôn Yên Mỹ, Xã Thanh Mỹ, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 90.000  | 900.000.000   | 10,000 | 111456613    |
|   |                  |                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                      | Tổng số                   | 90.000  | 900.000.000   | 10,000 |              |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HỮU NGỌC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/02/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 111916577

Ngày cấp: 28/10/2011

Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Cụm 7, Thị trấn Phúc Thọ, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Cụm 7, Thị trấn Phúc Thọ, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội